



PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

• ThS. PHẠM HỮU NGÃI

Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp

Với lịch sử phát triển lâu đời, loại hình trường cao đẳng cộng đồng (CĐCĐ) đã đóng góp tích cực vào việc đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ công cuộc tái thiết, phát triển của nhiều quốc gia và xu thế chung phát triển giáo dục đại học (GDĐH) trên thế giới; đồng thời tạo nên diện mạo mới cho GDĐH. Từ năm 2000, Việt Nam đã thực hiện thí điểm mô hình trường CĐCĐ ở một số địa phương, đến năm học 2005-2006, các trường CĐCĐ ở Việt Nam đã thu hút hơn 40.000 sinh viên, học sinh theo học các khoá đào tạo dài hạn và ngắn hạn, cung cấp lực lượng lao động có tay nghề cho địa phương, vùng miền kinh tế. Nhận thức tầm quan trọng, vị trí, vai trò của loại hình trường CĐCĐ, bài viết trình bày các vấn đề: 1/ Những chủ trương của Đảng và Nhà nước về loại hình trường CĐCĐ; 2/ Đặc điểm và ưu thế của loại hình trường CĐCĐ; 3/ Nhu cầu và tình hình phát triển loại hình trường CĐCĐ ở nước ta; 4/ Phát triển loại hình trường CĐCĐ đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

1. Những chủ trương của Đảng và Nhà nước về loại hình trường CĐCĐ

Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội IX đã ghi rõ: "Phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trọng tâm... Phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam, đặc biệt coi trọng phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, xem đây là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa"⁽¹⁾. Như vậy, với tư cách là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH), nhiệm vụ của GDĐH là phải đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn đa dạng, đa cấp độ cho tất cả các

lĩnh vực xã hội, cho các thành phần kinh tế; GDĐH cần được tăng quy mô hợp lí cùng với sự hoàn thiện cơ cấu đào tạo, mạng lưới các cơ sở đào tạo, các loại hình đào tạo sao cho thích ứng với yêu cầu phát triển vùng miền. Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP của Chính phủ về Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 tháng 11/2005 đề ra các quan điểm chỉ đạo đổi mới GDĐH⁽²⁾:

(1) Đổi mới giáo dục đại học phải thực hiện sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, kĩ năng, trình độ và chất lượng cao cho các ngành nghề, các thành phần kinh tế thuộc tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao tiềm năng trí tuệ của đất nước;

(2) Đổi mới giáo dục đại học phải gắn chặt và trực tiếp góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh tiến bộ khoa học - kĩ thuật, củng cố quốc phòng, an ninh; đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân;

(3) Đổi mới giáo dục đại học phải bảo đảm tính thực tiễn, hiệu quả và đồng bộ,... Mở rộng quy mô đào tạo phải đi đôi với nâng cao chất lượng, thực hiện công bằng xã hội phải đi đôi với bảo đảm hiệu quả đào tạo;... liên thông giữa các ngành, các hình thức, các trình độ đào tạo...

Mục tiêu chung của loại hình trường CĐCĐ là tạo sự chuyển biến cơ bản về chất lượng, hiệu quả và quy mô, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế và nhu cầu học tập của nhân dân. Mục tiêu cụ thể là hoàn chỉnh mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc, có sự phân tầng về chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bảo đảm hợp lí cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền, phù hợp với chủ trương xã hội hóa giáo dục và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của các địa phương; đạt tỉ lệ 200 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2010 và 450

(1) Văn kiện Đại hội Đảng thời kì đổi mới, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 639-640.

(2) Bộ GD&ĐT: Đề án đổi mới GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006-2020, Hà Nội, 11-2005.



sinh viên/1 vạn dân vào năm 2020, trong đó 70-80% sinh viên theo học các chương trình nghề nghiệp - ứng dụng; sử dụng quy trình đào tạo mềm dẻo, kết hợp mô hình truyền thống với mô hình nhiều giai đoạn và chuyển các cơ sở GDĐH sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Từ những bất cập và hạn chế của mô hình trường đại học, cao đẳng truyền thống và các thành tựu do hệ thống trường cao đẳng/đại học cộng đồng mang lại ở nhiều nước, GDĐH Việt Nam cần thực hiện một loạt nhiệm vụ và giải pháp, một trong những nhiệm vụ và giải pháp được Nghị quyết chỉ ra là: “mở rộng mạng lưới các trường CĐCĐ và xây dựng cơ chế chuyển tiếp đào tạo giữa các trường này và các trường đại học”⁽²⁾. Đây là hướng phát triển mới xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của xã hội nước ta, sẽ mở ra phương thức đào tạo đội ngũ có năng lực thực hành cao, đào tạo sát nhu cầu nhân lực của từng vùng miền, từng địa phương và quan trọng hơn là góp phần tiến tới xây dựng xã hội học tập, đồng thời sớm đạt mức nền giáo dục đại học đại chúng.

2. Đặc điểm và ưu thế của loại hình trường CĐCĐ

2.1. Đặc điểm:

Trường CĐCĐ là loại hình giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, do các cộng đồng dân cư (địa phương) thành lập nhằm phục vụ trực tiếp nhu cầu nâng cao trình độ học vấn, khoa

học kĩ thuật cho các thành viên của cộng đồng và nhu cầu phát triển về nguồn nhân lực, về kinh tế - xã hội của cộng đồng. Tính cộng đồng của loại hình này được thể hiện chủ yếu qua những mặt sau đây:

- Cộng đồng về mục đích: Trường CĐCĐ có chức năng phục vụ trực tiếp cho sự phát triển các mặt đời sống vật chất và tinh thần của người dân trong cộng đồng và toàn cộng đồng, từ đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng;

- Cộng đồng về trách nhiệm: Loại hình này phải do cộng đồng xây dựng, duy trì và phát triển, nghĩa là cộng đồng cùng chung trách nhiệm chăm lo xây dựng và phát triển để phục vụ cho chính cộng đồng;

- Cộng đồng về nội dung, chương trình, phương thức đào tạo: Mọi nội dung, chương trình và phương thức đào tạo đều xuất phát từ nhu cầu thực tế về kinh tế - xã hội của cộng đồng, của địa phương. Những vấn đề nảy sinh trong đời sống cộng đồng thì loại hình này có trách nhiệm cùng cộng đồng chia sẻ giải quyết.

Nói chung, sự thành lập hệ thống trường CĐCĐ là hình thức phát huy nội lực cộng đồng, nó ra đời từ nhu cầu cộng đồng, do cộng đồng thiết lập và vì lợi ích của cộng đồng. Đặc điểm của loại hình CĐCĐ có thể tóm tắt qua bảng dưới đây:

Tiêu chí	Nội dung
1. Chủ thể quản lí	Cộng đồng dân cư thành lập được thông qua chính quyền địa phương đầu tư xây dựng và tổ chức quản lí, cụ thể là uỷ ban nhân dân tỉnh/thành phố.
2. Sứ mệnh trường CĐCĐ	Đào tạo nhân lực cho địa phương, tiểu vùng và cả vùng. Trong đó có cả nâng cao trình độ văn hoá và một phần bồi dưỡng tài năng - người lao động thành thạo nghề, kĩ sư thực hành.
3. Nhiệm vụ trường CĐCĐ	- Đào tạo nhân lực phục vụ phát triển cộng đồng bền vững; - Kiến tạo xã hội học tập, mở ra cơ hội học tập thường xuyên, suốt đời; - Đưa những thành tựu khoa học kĩ thuật và công nghệ về với cộng đồng.
4. Mục tiêu đào tạo	Đào tạo người lao động có ý thức phục vụ cộng đồng, kiến thức và kĩ năng nghề nghiệp ở trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn, để người dân có khả năng tự tạo việc làm.
5. Chương trình và nội dung đào tạo	Với chương trình đa dạng hết sức mềm dẻo, nội dung đào tạo uyển chuyển, kiến thức luôn được cập nhật, chú trọng thực hành nghề nghiệp, đáp ứng những nhu cầu thiết thực của cộng đồng.



6. Hình thức đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Đa ngành: Tất cả các ngành nghề mà địa phương có nhu cầu và khả năng của trường; - Đa cấp: Tổ chức đào tạo các trình độ từ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, sơ cấp đến cao đẳng; - Liên thông giữa các ngành, nghề trong nội bộ trường, giữa các trường CĐCĐ và với các trường đại học trong nước và quốc tế; - Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.
7. Đối tượng	Tất cả người dân trong cộng đồng có nhu cầu theo học phù hợp với khả năng tài chính và trình độ học vấn tương xứng.
8. Thời lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Ngắn hạn (1 tuần — 3 tháng, dưới 1 năm), - Dài hạn (từ 2-3 năm).

2.2. Ưu thế:

Mô hình CĐCĐ đang có xu hướng phát triển nhanh và được xã hội quan tâm vì loại hình CĐCĐ có những ưu thế mà các hình thức đào tạo khác không có hoặc có nhưng ở mức độ không cao. Có thể nêu một số ưu thế:

(1) *Tính thiết thực cao:* Thiết thực đối với người học (cần loại kiến thức, kĩ năng chuyên môn gì thì trường sẽ tạo cơ hội học tập những thứ đó); thiết thực đối với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thiết thực do tính thực hành ứng dụng vào lao động, sản xuất (sau khi tốt nghiệp dễ xin việc làm).

(2) *Tính tiết kiệm, hiệu quả kinh tế cao:* Ưu thế này xuất phát từ chỗ:

- Địa điểm học gần nơi ở, nơi làm việc, nên chi phí cho đi lại học tập thấp;
- Thời lượng học tập xuất phát từ nhu cầu của người theo học quyết định (học ngắn hạn, dài hạn, học theo kiểu tích lũy kiến thức);
- Vì trường do cộng đồng thành lập nên vấn đề học phí đào tạo khá phù hợp với mức thu nhập của người dân trong mỗi cộng đồng.

(3) *Tính linh hoạt, mềm dẻo trong chương trình, nội dung, phương thức đào tạo:*

- Dựa trên nhu cầu của người học;
- Dựa trên những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
- Cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ trong và ngoài nước.

Với những đặc điểm và ưu thế nêu trên, có thể nói rằng bất cứ người dân trong cộng đồng không phân biệt trình độ văn hoá, lứa tuổi đều có thể theo học ở các trường CĐCĐ để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề và hơn nữa là học để hướng vào việc cải thiện chất lượng cuộc sống.

3. Nhu cầu và tình hình phát triển loại hình trường CĐCĐ ở nước ta

3.1. Nhu cầu mở rộng mạng lưới các trường CĐCĐ

Việt Nam đang tiếp tục đẩy mạnh công cuộc CNH, HĐH đất nước nhằm thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”. Nhưng quá trình thực hiện công cuộc này, chúng ta đứng trước thách thức là phải khẩn trương đuổi kịp các nước đang phát triển trong khu vực về trình độ sản xuất, tránh nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, khoa học kĩ thuật và đời sống xã hội,... Có không ít thách thức đang đặt ra và cần được giải quyết như:

- Mặt bằng dân trí thấp, đời sống (vật chất và tinh thần) của nhân dân nhìn chung còn nghèo nàn;

- Nền khoa học kĩ thuật và công nghệ còn thấp kém, lạc hậu, cách xa so với các nước phát triển và nhiều nước trong khu vực;

- Đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật rất bất hợp lí (nhiều kĩ sư lí thuyết, ít kĩ sư thực hành). Lực lượng chưa qua đào tạo rất đông (chiếm khoảng 70%), số lao động có tay nghề bậc cao (bậc 6 và 7) quá ít, chỉ trên dưới 2%. Hơn nữa, đội ngũ cán bộ khoa học kĩ thuật phân bố không hợp lí, chỉ tập trung ở những thành phố lớn: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh,...

Ngoài ra, với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự cạnh tranh gay gắt (sản phẩm giá thành thấp, chất lượng cao, hàm lượng chất xám kết tinh trong sản phẩm ngày càng nhiều), đòi hỏi cấp thiết nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, được bồi dưỡng thường xuyên ngang tầm với yêu cầu của thị trường lao động không chỉ trong nước mà còn cho cả một số nước trong khu vực.

Vấn đề đặt ra ở đây là cần phải có loại hình đào tạo nhanh chóng đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn, tay nghề cho



nền sản xuất hiện đại, cho quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH. Nước ta còn nghèo, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác cho giáo dục có hạn trong khi đó học sinh đi học chỉ nhằm lên đại học kiếm bằng cấp thay vì học nghề, và một thực tế đã có khoảng thời gian các trường dạy nghề, trung học và cao đẳng chuyên ngành ít được quan tâm. Để sớm khắc phục những hạn chế trên, từ kinh nghiệm phát triển nguồn nhân lực của nhiều nước và kết quả bước đầu triển khai thí điểm các trường CĐCD ở nước ta, trong Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010 đã ghi: "Hoàn chỉnh mô hình trường CĐCD đang thí điểm và phát triển loại hình này ở các địa phương có điều kiện"⁽³⁾, nhằm làm cho giáo dục đại học phù hợp hơn với yêu cầu phát triển của đất nước và xu hướng phát triển giáo dục đại học của thế giới.

3.2. Tình hình phát triển loại hình trường CĐCD ở nước ta

Mô hình trường CĐCD được Bộ Giáo dục - Đào tạo nghiên cứu từ những năm 90 thế kỉ XX, cũng như được Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII khẳng định là mô hình cần phát triển nhằm phục vụ nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ở các địa phương. Trên cơ sở khuyến cáo của các chuyên gia, các nhà quản lí giáo dục, sự hỗ trợ của Chính phủ Hà Lan và theo đề nghị của nhiều địa phương, Bộ GD&ĐT cho phép thành lập 6 trường CĐCD thí điểm tại các tỉnh và thành phố. Đến cuối năm 2007, có 14 trường CĐCD được thành lập, bao gồm:

- Năm 2000, thành lập 6 trường CĐCD: Hải Phòng, Quảng Ngãi (Nay là ĐH Phạm Văn Đồng), Bà Rịa-Vũng Tàu, Hà Tây, Đồng Tháp và Tiền Giang (nay là ĐH Tiền Giang);
- Năm 2001, trường CĐCD Trà Vinh thành lập theo dự án hợp tác giữa Cao đẳng cộng đồng Canada - Việt Nam (nay là ĐH Trà Vinh);
- Năm 2002, trường CĐCD Kiên Giang và Vĩnh Long thành lập với sự giúp đỡ về mô hình của nhóm các trường CĐCD Hoa Kỳ và Viện Đại học Công nghệ (IUT) Cộng hoà Pháp.
- Năm 2005, trường CĐCD Hà Nội và Hậu Giang thành lập;
- Năm 2006, trường CĐCD Sóc Trăng được

thành lập. Năm 2007, trường CĐCD Cà Mau và Bình Thuận được thành lập.

4. Phát triển loại hình trường CĐCD đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực vùng ĐBSCL

Vùng ĐBSCL gồm 13 tỉnh, thành phố. Năm 2005, dân số của vùng có 17.267.600 người, chiếm 20,8% dân số cả nước; lực lượng lao động là 9.518.500 người, chiếm 21,5% lực lượng lao động cả nước. ĐBSCL là vựa lúa lớn nhất cả nước, ngoài việc thực hiện nhiệm vụ đảm bảo "an ninh lương thực quốc gia" còn tham gia đến 90% lượng gạo xuất khẩu cả nước. Nơi đây còn là miệt vườn nổi tiếng cung cấp đến 70% lượng trái cây cho cả nước mỗi năm, ĐBSCL hàng năm cung cấp trên 42% sản lượng thủy sản đánh bắt và gần 67% sản lượng thủy sản nuôi trồng so với cả nước.

4.1. Thực trạng về nguồn nhân lực

Sau nhiều năm đổi mới, ĐBSCL đang chuyển dịch mạnh mẽ từ một nền kinh tế thuần nông sang nền kinh tế nông nghiệp - công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, ĐBSCL đang đối mặt với thách thức nhanh chóng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH là nhiệm vụ quan trọng và khó khăn.

Báo cáo của Bộ GD&ĐT tháng 8-2005⁽⁴⁾: có 14,33% lực lượng lao động qua đào tạo với kết quả là 0,65% có chứng chỉ, 1% có bằng nghề, 0,48% có bằng sơ cấp, 2,39% có bằng TCEN, 2,57% có bằng cao đẳng, đại học và sau đại học (xếp thứ 8 trong 8 vùng kinh tế của cả nước) và 7,24% có qua đào tạo nhưng không có bằng cấp chứng chỉ. Những con số trên cho thấy, nguồn nhân lực với quy mô nhỏ bé, chất lượng thấp kém - kém vào loại nhất, nhì so với các vùng kinh tế khác; phát triển giáo dục - đào tạo nói chung, đào tạo nguồn nhân lực nói riêng phải là khâu đột phá cho sự phát triển bền vững của vùng.

4.2. Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL đến năm 2020⁽⁵⁾

* Mục tiêu tổng quát

Nhanh chóng xây dựng vùng ĐBSCL trở thành vùng trọng điểm phát triển kinh tế của cả

(3) Bộ GD&ĐT: *Ngành GD&ĐT thực hiện NQ TW2 (khóa VIII) và NQ ĐH Đảng lần thứ IX*, NXB Giáo dục Hà Nội, 2002, tr.112.

(4) Báo cáo của Bộ GD&ĐT tại Hội nghị Phát triển GD&ĐT vùng ĐBSCL đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Cần Thơ, 1-2/8/2005.

(5) Bộ KH-ĐT, Viện CLPT: *Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH vùng ĐBSCL đến năm 2020*, Hà Nội, tháng 11 năm 2006, tr.41.



nước với tốc độ tăng kinh tế cao, các mặt văn hoá, xã hội tiến kịp mặt bằng chung của cả nước; là địa bàn cầu nối để chủ động hội nhập, giao thương, hợp tác kinh tế có hiệu quả với các nước trong khu vực.

** Mục tiêu cụ thể*

Về phát triển kinh tế

- Đến năm 2010, tỉ trọng nông lâm ngư nghiệp trong GDP của vùng còn khoảng 36%; công nghiệp, xây dựng đạt 30% và khu vực dịch vụ 34%. Đến năm 2020, tỉ trọng nông nghiệp còn 21%, công nghiệp-xây dựng tăng lên 43% và khu vực dịch vụ là 37%.

- GDP bình quân đầu người đến năm 2010 đạt 1.050 USD, năm 2020 khoảng 2.300-2.400 USD.

- Góp phần quan trọng vào bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và giữ vững mức xuất khẩu khoảng 4 triệu tấn gạo/năm.

Về phát triển xã hội

- Trong 5 năm, giải quyết việc làm cho khoảng 1,8-2 triệu lao động trong độ tuổi. Đến năm 2010, duy trì tỉ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi khu vực thành thị dưới 5%, tăng tỉ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 85%.

Phấn đấu đưa tỉ lệ lao động qua đào tạo của vùng ĐBSCL đến năm 2010 đạt 33%, năm 2020 đạt khoảng 50%.

4.3. Phát triển loại hình trường CĐCD đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ở vùng ĐBSCL

Tại Hội nghị Phát triển GD&ĐT vùng ĐBSCL đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (Thành phố Cần Thơ 1-2/8/2005) đã chỉ ra những giải pháp, đồng thời theo ý kiến nhiều chuyên gia giáo dục như GS.TSKH Võ Tòng Xuân, PGS.TS Lê Quang Minh, PGS Đào Công Tiến,... để nhanh chóng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và xuất khẩu lao động, vấn đề đặt ra là: "Đa dạng hoá các loại hình tổ chức đào tạo đại học, cao đẳng và dạy nghề mở rộng mạng lưới đào tạo sau phổ thông được khẳng định là giải pháp tích cực, hiệu quả. Nên tạo điều kiện và khuyến khích mở trường CĐCD ở các tỉnh với sự hỗ trợ và liên thông đào tạo với các đại học trong vùng và Thành phố Hồ Chí Minh"⁽⁶⁾.

Từ kinh nghiệm của các nước đi trước và thành quả mà các trường CĐCD Việt Nam hoạt

động những năm qua cho thấy không nên quá kì vọng vào việc mở các trường đại học, nhất là trường đại học trực thuộc tỉnh vì trên thực tế nguồn lực cần có cho chuẩn và chất đối với đào tạo đại học còn nhiều hạn chế. Hiện nay, các tỉnh cần loại hình trường đào tạo theo hướng nghề nghiệp - ứng dụng có chất lượng cao, bám sát nhu cầu của thị trường lao động, phục vụ yêu cầu phát triển cộng đồng bền vững.

Tóm lại, hiện nay vùng ĐBSCL đã có 8 trường CĐCD trong đó 2 trường CĐCD Tiền Giang và Trà Vinh đã chuyển lên thành trường đại học; Bộ GD&ĐT đang có chủ trương tiếp tục mở các trường CĐCD: Long An, An Giang, Bạc Liêu và Cần Thơ. Tin tưởng với bản chất loại hình trường của cộng đồng, do cộng đồng và vì cộng đồng, các trường CĐCD vùng ĐBSCL sẽ đóng góp hiệu quả đào tạo nhân lực có trình độ để kinh tế - xã hội ngang tầm với các vùng khác trong cả nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội Đảng thời kì đổi mới. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.
2. Bộ GD&ĐT: *Đề án đổi mới GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006-2020*, Hà Nội, 11-2005.
3. Bộ GD-ĐT: *Ngành GD&ĐT thực hiện NQ TW 2 (Khoá VIII) và NQ ĐH Đảng lần thứ IX*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002.
4. Báo cáo của Bộ GD&ĐT tại Hội nghị Phát triển GD&ĐT vùng ĐBSCL đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Cần Thơ, 1-2/8/2005.
5. Bộ KH-ĐT, Viện CLPT, Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH vùng ĐBSCL đến năm 2020. Hà Nội, tháng 11 năm 2006.
6. Báo cáo tham luận: *Hội nghị Phát triển GD&ĐT vùng ĐBSCL đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*, Cần Thơ, 1-2/8/2005.

SUMMARY

The article touches on how to develop the community college to meet the needs of human resource training in the Mekong River Delta areas. In his article, the author presents the plan and policies of the Party and State concerning the community college while highlighting its characteristics and the need to develop community colleges in Vietnam in general and in the Mekong River Delta areas in particular.

(6) Báo cáo tham luận: Hội nghị Phát triển GD&ĐT vùng ĐBSCL đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Cần Thơ, 1-2/8/2005.